

NGHIÊN CỨU ĐA DẠNG THÀNH PHẦN LOÀI, PHÂN BỐ VÀ BẢO TỒN KHU HỆ CHIM TẠI KHU BẢO TỒN LOÀI - SINH CẢNH PHÚ MỸ, HUYỆN GIANG THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

Lâm Quang Ngôn¹, Nguyễn Thanh Giao^{1,*}

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện nhằm điều tra, đánh giá thành phần loài, phân bố và bảo tồn khu hệ chim tại Khu Bảo tồn Loài – Sinh cảnh Phú Mỹ (KBT Phú Mỹ) thuộc huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang. Thời gian khảo sát thực địa từ tháng 4 đến tháng 5 năm 2022 tại 4 sinh cảnh đặc trưng, bao gồm sinh cảnh Năng, Cỏ bàng, Tràm và Bãi bùn, ven kênh. Tổng số 58 loài chim thuộc 34 họ, 11 bộ đã được xác định tại KBT Phú Mỹ. Trong đó, 2 loài có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), 3 loài có tên trong Danh lục Đỏ IUCN (2021) và Công ước CITES, 4 loài có tên trong Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ở các mức độ nguy cấp khác nhau. Kết quả đã bổ sung 8 loài chim ghi nhận mới và 1 loài chim quý hiếm cho KBT Phú Mỹ so với trước đây. Bộ Sẻ (Passeriformes) được xác định có số loài nhiều nhất, với 22 loài (chiếm 37,93%). Xét về bậc họ, họ Diệc (Ardeidae) có số loài chiếm ưu thế (8 loài, chiếm 13,79%). Tại 4 sinh cảnh, các loài chim phân bố tương đối đồng đều lần lượt với 45 loài, 44 loài, 36 loài và 35 loài. Số lượng Sếu đầu đỏ (*Grus antigone*) di cư về KBT Phú Mỹ có xu hướng ngày càng giảm (16 cá thể vào năm 2022). Các tác nhân gây suy giảm đa dạng sinh học tại KBT Phú Mỹ bao gồm các hoạt động săn bắt, chăn thả gia súc và khai thác tài nguyên của người dân. Do đó, chính quyền địa phương, Ban Quản lý KBT Phú Mỹ cần đưa ra các biện pháp thiết thực để hạn chế các tác nhân gây suy giảm. Các nghiên cứu kiểm kê, đánh giá khu hệ chim hàng năm tại KBT Phú Mỹ là rất cần thiết.

Từ khóa: Bộ Sẻ, họ Diệc, Khu Bảo tồn Loài – Sinh cảnh Phú Mỹ, khu hệ chim, Sếu đầu đỏ.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam là một trong các nước ở khu vực Đông Nam Á có khu hệ chim phong phú và đa dạng, với tổng số loài chim ghi nhận được khoảng 888 loài, trong đó có 72 loài chim hiện đang bị đe dọa tuyệt chủng ở mức độ toàn cầu, 51 loài ít xuất hiện và hiếm gặp ở các vùng chim quan trọng của Việt Nam [1]. Theo Hasmat và cs (2020) [2], chim được xem là một trong những nhóm có số lượng loài lớn nhất trong thành phần động vật hoang dã. Bên cạnh đó, chim được coi là loài chỉ thị sinh học quan trọng trong nghiên cứu tác động sự xáo trộn rừng và cấu trúc môi trường sống thay đổi lên thành phần loài [3]. Theo Kiros và cs (2018) [4], đánh giá cộng đồng chim và xác định các mối đe dọa hiện có trong một khu vực cụ thể là công cụ quan trọng trong bảo tồn đa dạng sinh học.

KBT Phú Mỹ là một trong những vùng đất ngập nước quan trọng được bảo tồn tại Việt Nam và còn là

một phần của Khu dự trữ sinh quyển Kiên Giang [5]. Đây là một trong hai nơi loài Sếu đầu đỏ quý hiếm di cư về và là nơi có hệ sinh thái đồng cỏ bàng còn sót lại lớn nhất vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Tuy nhiên, môi trường sống của các loài sinh vật đang bị đe dọa bởi nhiều yếu tố như biến đổi khí hậu, khai thác tài nguyên không bền vững, khai hoang và xâm lấn. Các hoạt động thâm canh, mở rộng sản xuất nông nghiệp, khai thác gỗ đã làm ảnh hưởng nơi cư trú của các loài chim ở các vườn chim quan trọng, trong đó có vùng Hà Tiên, Kiên Lương (tỉnh Kiên Giang) [1]. Theo thống kê số lượng loài Sếu đầu đỏ di cư về KBT Phú Mỹ đã giảm đi đáng kể, từ 152 cá thể năm 2009 xuống còn 35 cá thể năm 2021 [6, 8]. Do đó, nghiên cứu đánh giá sự đa dạng thành phần loài, phân bố và bảo tồn khu hệ chim tại KBT Phú Mỹ là rất cần thiết, nhằm kiểm kê, đánh giá có hệ thống thành phần loài và có thể giúp Ban quản lý điều chỉnh chiến lược bảo tồn hợp lý.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Khu vực nghiên cứu

KBT Phú Mỹ thuộc xã Phú Mỹ, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang có tọa độ 10°26'413" vĩ độ

¹ Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên, Trường Đại học Cần Thơ

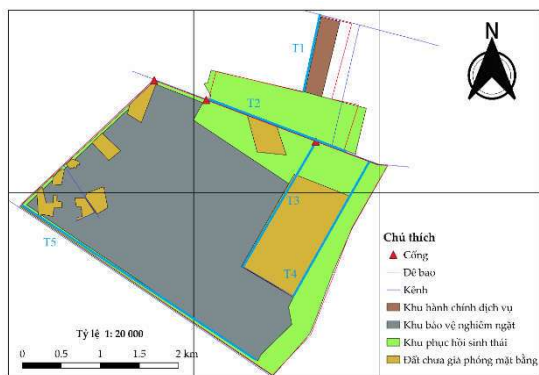
*Email: ntgiang@ctu.edu.vn

Bắc và 104°36'173" kinh độ Đông, với tổng diện tích 1.070,28 ha, được chia thành 3 khu chức năng, bao gồm khu hành chính – dịch vụ, khu phục hồi sinh thái và khu bảo vệ nghiêm ngặt [9]. Theo Dương Văn Ni (2013) [10], đây là vùng đặc trưng đất phèn, giàu hữu cơ, ngập theo mùa (mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau và mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11), phù hợp cho sự phát triển của đồng cỏ bàng, hệ sinh thái duy nhất còn sót lại ở ĐBSCL. Bên cạnh đó, KBT Phú Mỹ có địa hình tương đối bằng phẳng với độ ngập sâu trung bình 67,6 cm, chế độ thủy văn chịu ảnh hưởng bởi các dòng chính sông Cửu Long với mùa lũ hàng năm bắt đầu từ tháng 8 và rút vào tháng 11.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp nghiên cứu thành phần loài chim tại KBT Phú Mỹ

Trong nghiên cứu, năm (5) tuyến khảo sát được thiết lập nhằm đảm bảo đi qua các sinh cảnh đại diện tại KBT Phú Mỹ, bao gồm sinh cảnh Năng, Tràm, Cỏ Bàng và Bãi bùn, ven kênh (Hình 1). Thời gian tiến hành khảo sát thực địa từ đầu tháng 4 (mùa khô) đến cuối tháng 5 (mùa mưa) năm 2022. Quan sát chim được thực hiện liên tục từ 6 giờ 30 đến 17 giờ 30 hàng ngày, trong đó tập trung thu thập số loài chim hiện diện vào thời điểm đầu buổi sáng và cuối buổi chiều khi chim có nhiều hoạt động và kiếm mồi nhất trong ngày. Hình ảnh các loài quan sát được chụp bằng máy ảnh Panasonic Lumix G9, ống kính Panasonic Leica DG Vario 100-400 mm. Quan sát bằng thiết bị ống nhòm 2 mắt Vortex 10 x 56.



Hình 1. Các tuyến khảo sát khu hệ chim tại Khu bảo tồn

Các loài chim được định danh thông qua quan sát trực tiếp hình dạng và thông qua tiếng kêu hay tiếng hót. Danh pháp và phân loại trong nghiên cứu dựa theo tài liệu của Lê Mạnh Hùng (2020) [11]. Từ đó, nghiên cứu tiến hành thống kê tổng số loài, họ và

bộ của khu hệ chim tại KBT Phú Mỹ. Bên cạnh đó, tình trạng bảo tồn của các loài được xác định theo Sách Đỏ Việt Nam (2007) [12], Công ước về buôn bán quốc tế các loài động thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) [13], Nghị định số 06/2019/NĐ-CP [14] và Danh lục các loài bị đe dọa của IUCN (2021) [15].

2.2.2. Phương pháp nghiên cứu thành phần loài chim theo sinh cảnh

Có tổng cộng năm tuyến điều tra đã được thực hiện tại bốn sinh cảnh, bao gồm sinh cảnh Năng, Tràm, Cỏ bàng và Bãi bùn, ven kênh. Trong quá trình khảo sát, các loài chim xuất hiện tại từng sinh cảnh được định danh và đánh dấu tọa độ cụ thể. Từ đó, nghiên cứu tiến hành thống kê tổng số loài chim phân bố tại từng sinh cảnh, đồng thời xác định sinh cảnh có số loài chim tập trung sinh sống nhiều nhất và ít nhất.

2.2.3. Phương pháp nghiên cứu các mối đe dọa đến môi trường sống của khu hệ chim

Nghiên cứu tiến hành khảo sát thực tế hiện trạng các hệ thống đường giao thông, kênh/bờ bao và cống ngăn mặn nhằm đánh giá sự ảnh hưởng đến đặc tính môi trường, thay đổi các sinh cảnh và suy thoái nơi cư trú của các loài chim. Bên cạnh đó, các hoạt động có khả năng tác động tiêu cực đến khu hệ chim tại KBT Phú Mỹ như săn bắt, chăn thả gia súc, khai thác cỏ bàng cũng được điều tra. Ngoài ra, nghiên cứu kết hợp với các dữ liệu thứ cấp (từ công trình nghiên cứu trước đó) về các mối đe dọa đến môi trường sống của khu hệ chim tại khu vực nghiên cứu để đánh giá. Từ đó, đề xuất các giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học khu hệ chim tại KBT Phú Mỹ.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đa dạng về thành phần loài

Kết quả đã ghi nhận được tổng số 58 loài chim thuộc 34 họ, 11 bộ (Bảng 1). Ngoài ra, kết quả nghiên cứu còn bổ sung 8 loài ghi nhận mới vào danh sách các loài xuất hiện tại khu vực nghiên cứu trong năm 2021, bao gồm Choắt nâu (*Tringa totanus*), Dò nạch (*Glareola maldivarum*), Cốc đế nhỏ (*Phalacrocorax fuscicollis*), Cò quắm đen (*Plegadis falcinellus*), Chim khách (*Crypsirina temia*), Sơn ca Java (*Miafra javanica*), Di cam (*Lonchura atricapilla*) và Sẻ đồng ngực vàng (*Emberiza aureola*), nâng tổng số loài chim được phát hiện tại KBT Phú Mỹ trong 2 năm 2021 và 2022 là 77 loài thuộc 39 họ của 13 bộ [16].

Bảng 1. Danh sách các loài chim ghi nhận được tại KBT Phú Mỹ năm 2022

STT	Tên khoa học	Tên tiếng Việt	Sinh cảnh
	ANSRIFORMES	BỘ NGỔNG	
	Anatidae		
1	<i>Anas poecilorhyncha</i>	Vịt trời	1, 2, 3, 4
	CORACIIFORMES	BỘ SẢ	
	Coraciidae	Họ Sả	
2	<i>Coracias benghalensis</i>	Sả rừng	3, 4
	Alcedinidae	Họ Bồng Chanh	
3	<i>Halcyon smyrnensis</i>	Sả đầu nâu	1, 2, 3, 4
4	<i>Alcedo atthis</i>	Bồng chanh	3, 4
	Meropidae	Họ Trâu	
5	<i>Merops orientalis</i>	Trâu đầu hung	1, 2, 4
6	<i>Merops philippinus</i>	Trâu ngực nâu	1, 2, 4
	CUCULIFORMES	BỘ CU CU	
	Cuculidae	Họ Cu Cu	
7	<i>Cacomantis merulinus</i>	Tìm vịt	1, 2, 4
8	<i>Eudynamys scolopacea</i>	Tu hú	3
9	<i>Centropus sinensis</i>	Bìm bịp lớn	3, 4
10	<i>Centropus bengalensis</i>	Bìm bịp nhỏ	3, 4
	COLUMBIFORMES	BỘ BỎ CẦU	
	Columbidae	Họ Bồ Cầu	
11	<i>Streptopelia chinensis</i>	Cu gáy, Cu đất	3, 4
12	<i>Streptopelia tranquebarica</i>	Cu ngói	3, 4
13	<i>Geopelia striata</i>	Cu gáy vằn	3, 4
	GRUIFORMES	BỘ SẾU	
	Rallidae	Họ Gà Nước	
14	<i>Gallicrex cinerea</i>	Cúm núm	1, 2, 3
15	<i>Porphyrio porphyrio</i>	Xít, Trích cỏ	1, 3
16	<i>Gallinula chloropus</i>	Trích ré	1, 2
	Gruidae	Họ Sếu	
17	<i>Grus antigone</i>	Sếu đầu đỏ	1, 2
	CHARADRIIFORMES	BỘ RỄ	
	Scolopacidae	Họ Dẽ	
18	<i>Tringa totanus</i>	Choắt nâu	4
	Charadriidae	Họ Choi Choi	
19	<i>Vanellus indicus</i>	Te vật	3, 4
	Sternidae	Họ Nhàn	
20	<i>Chlidonias leucopterus</i>	Nhàn xám	1
	Glareolidae		
21	<i>Glareola maldivarum</i>	Dô nách	1
	ACCIPITRIFORMES	BỘ UNG	
	Accipitridae	Họ Ung	
22	<i>Elanus caeruleus</i>	Diều trắng	1, 2, 3, 4

STT	Tên khoa học	Tên tiếng Việt	Sinh cảnh
23	<i>Circus melanoleucos</i>	Diều mướp	1, 2, 3
	SULIFORMES	BỘ CHIM ĐIÊN	
	Phalacrocoracidae	Họ Cốc	
24	<i>Phalacrocorax niger</i>	Cốc đen, Cồng cộc	1, 2, 3
25	<i>Anhinga melanogaster</i>	Cổ rắn	1, 2, 3
26	<i>Phalacrocorax fuscicollis</i>	Cốc đế nhỏ	4
	PELECANIFORMES	BỘ BỒ NÔNG	
	Ardeidae	Họ Diệc	
27	<i>Egretta garzetta</i>	Cò trắng	1, 2, 3
28	<i>Ardea cinerea</i>	Diệc xám	1, 2
29	<i>Casmerodius albus</i>	Cò ngàng lớn	1, 4
30	<i>Mesophoyx intermedia</i>	Cò ngàng nhỏ	1, 4
31	<i>Bubulcus ibis</i>	Cò ruồi	1, 2
32	<i>Ardeola bacchus</i>	Cò bọ	1, 2
33	<i>Ixobrychus sinensis</i>	Cò lửa lùn	3, 4
34	<i>Ardea purpurea</i>	Diệc lửa	1, 2, 3
	Threskiornithidae	Họ Cò Quắm	
35	<i>Plegadis falcinellus</i>	Cò quắm đen	1
	PASSERIFORMES	BỘ SẾ	
	Corvidae	Họ Chim Khách	
36	<i>Crypsirina temia</i>	Chim khách	1, 2, 3, 4
	Cisticolidae	Họ Chiền Chiện	
37	<i>Prinia inornata</i>	Chiền chiện bụng hung	1, 2
	Laniidae	Họ Bách Thanh	
38	<i>Lanius cristatus</i>	Bách thanh mày trắng	1, 2, 4
	Rhipiduridae	Họ Rẻ Quạt	
39	<i>Rhipidura javanica</i>	Rẻ quạt	3
	Muscicapidae	Họ Đớp Ruồi	
40	<i>Saxicola caprata</i>	Sẻ bụi đen	1, 2, 4
	Sturnidae	Họ Sáo	
41	<i>Acridotheres tristis</i>	Sáo nâu	4
	Hirudinidae	Họ Nhạn	
42	<i>Hirundo rustica</i>	Nhạn bụng trắng	1, 2, 3, 4
	Pycnonotidae	Họ Chào Mào	
43	<i>Pycnonotus goiavier</i>	Bông lau mày trắng	3, 4
44	<i>Pycnonotus blanfordi</i>	Bông lau tai vạch	3, 4
	Dicruridae	Họ Chèo Bẻo	
45	<i>Dicrurus macrocercus</i>	Chèo bẻo đen	1, 2, 3
	Pardalotidae	Họ Chích Bụng Vàng	
46	<i>Gerygone sulphurea</i>	Chích bụng vàng	3, 4
	Locustellidae	Họ Chích Đầm Lầy	
47	<i>Locustella lanceolata</i>	Chích đầm lầy nhỏ	1, 2, 3
48	<i>Megalurus palustris</i>	Chiền chiền lớn	1, 2, 3

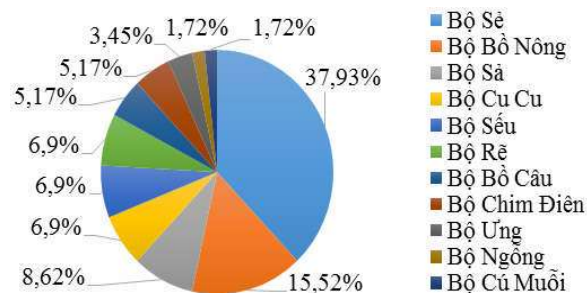
STT	Tên khoa học	Tên tiếng Việt	Sinh cảnh
	Acrocephalidae	Họ Chích	
49	<i>Acrocephalus orientalis</i>	Chích phương Đông	3, 4
	Nectariniidae	Họ Hút Mật	
50	<i>Nectarinia jugularis</i>	Hút mật họng tím	3, 4
	Motacillidae	Họ Chà Vôi	
51	<i>Anthus richardi</i>	Chim manh lớn	4
52	<i>Miafra javanica</i>	Son ca Java	1, 2, 3, 4
	Passeridae	Họ Sẻ	
53	<i>Ploceus hypoxanthus</i>	Rồng rộc	1, 2
54	<i>Passer flaveolus</i>	Sẻ bụi vàng	4
	Estrildidae	Họ Chim Di	
55	<i>Lonchura punctulata</i>	Di đá	1
56	<i>Lonchura atricapilla</i>	Di cam	1, 2, 3, 4
	Emberizidae	Họ Sẻ Đồng	
57	<i>Emberiza aureola</i>	Sẻ đồng ngực vàng	1, 2, 3, 4
	CAPRIMULGIFORMES	BỘ CÚ MUỖI	
	Caprimulgidae	Họ Cú Muối	
58	<i>Caprimulgus macrurus</i>	Cú muối đuôi dài	4

Chú thích: 1 - Sinh cảnh Nặng; 2 - Sinh cảnh Cỏ bàng; 3 - Sinh cảnh Tràm; 4 - Sinh cảnh Bãi bùn, ven kênh.

So với kết quả nghiên cứu tại một số KBT khác tại Việt Nam, thành phần loài chim ở KBT Phú Mỹ tương đối thấp. Cụ thể, trong nghiên cứu của Nguyễn Lâm Hùng Sơn và cs (2015), ghi nhận được 104 loài chim thuộc 43 họ, 14 bộ tại KBT Thiên nhiên Bán đảo Sơn Trà với 72 loài chim định cư, 19 loài chim di cư và 13 loài chim vừa có chủng quần định cư vừa di cư [17]. Nghiên cứu của Phạm Hồng Phương (2019) cũng đã xác định 125 loài chim thuộc 39 họ của 10 bộ tại KBT Thiên nhiên Pù Hoạt, tỉnh Nghệ An [18]. Tương tự, tại KBT Thiên nhiên Nam Nung và Bình Châu – Phước Bửu xác định được 173 loài thuộc 15 bộ của 47 họ và 192 loài 56 họ của 17 bộ chim [19, 20]. Tuy nhiên, thành phần loài tại khu vực nghiên cứu được đánh giá cao hơn so với vùng đệm phía Bắc của KBT Yancheng, nơi đây chỉ ghi nhận được 50 loài thuộc 26 họ của 13 bộ với các hình thức cư trú đa dạng, với 24 loài di cư mùa đông, 20 loài cư trú, 3 loài di cư mùa hè và 3 loài di cư đoạn [3]. Tương tự như vậy, Hasmat và cs (2020) [2] tại KBT rừng Kawang chỉ phát hiện được 19 loài khác nhau thuộc 9 họ.

Đánh giá mức độ đa dạng theo bộ Sẻ (Passeriformes) có số loài nhiều nhất, với 22 loài, chiếm 37,93% tổng số loài (Hình 2). Kết quả này

tương đồng với nghiên cứu của Ngô Xuân Nam và cs (2015) tại KBT Thiên nhiên Pù Hu, tỉnh Thanh Hoá [21] và của Kiros và cs (2018) tại Ethiopia [4]. Ngoài ra, trong một số nghiên cứu trước đó tại Vườn Quốc gia Tràm Chim và KBT Thiên nhiên Hang Kia – Pà Cò cũng ghi nhận được tương tự [22, 23]. Trong khi đó, bộ Ngỗng (Anseriformes), bộ Cú Muối (Caprimulgiformes), bộ Ưng (Accipitriformes) có số loài ít nhất, chỉ hiện diện từ 1-2 loài, chiếm từ 1,72-3,45% tổng số loài.



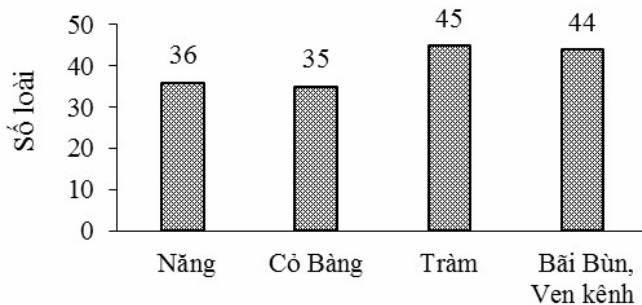
Hình 2. Tỷ lệ phần trăm các bộ chim tại Khu bảo tồn

Trong số các họ chim, họ Diệc (Ardeidae) có số loài chiếm ưu thế, với 8 loài (chiếm 13,79%), kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Lâm Hùng Sơn và cs (2009) [24] Utami và cs (2017) [25]. Các loài phổ biến và phong phú nhất của họ Ardeidae là Cò trắng (*Egretta garzetta*), Cò ruồi (*Bubulcus*

ibis) và Cò bọ (*Ardeola bacchus*). Tiếp đến là họ Cu cu (Cuculidae) và họ Bồ Câu (Columbidae) ghi nhận được 4 loài (6,9%) và 3 loài (5,17%). Và có 21 họ chỉ có duy nhất 1 loài, mỗi họ chiếm 1,72% tổng số loài (Bảng 1).

3.2. Phân bố theo sinh cảnh

Các loài chim ghi nhận được trong các đợt khảo sát phân bố tương đối đồng đều giữa bốn sinh cảnh Năng, Cỏ Bàng, Tràm và Bãi bùn, ven kênh với số loài hiện diện tại từng sinh cảnh chênh lệch không nhiều, dao động từ 35 - 45 loài (Hình 3).



Hình 3. Số loài chim phân bố tại từng sinh cảnh khảo sát

Hình 3 cho thấy, sinh cảnh Tràm có số loài chim tập trung sinh sống và kiếm ăn nhiều nhất (45 loài), phân bố chủ yếu trong sinh cảnh này bao gồm các họ phổ biến như họ Bồ Chanh (Alcedinidae), họ Cu cu (Cuculidae), họ Bồ Câu (Columbidae), họ Gà Nước (Rallidae), họ Ưng (Accipitridae), họ Cốc (Phalacrocoracidae), họ Chèo Mào (Pycnonotidae), họ Chích Đầm Lầy (Locustellidae). Tiếp đến, sinh cảnh Bãi bùn, ven kênh ghi nhận được 44 loài, là nơi phân bố chủ yếu của các loài trong họ Sả (Coraciidae), họ Dẽ (Scolopacidae), họ Sáo (Sturnidae) và họ Cú Muối (Caprimulgidae). Trong các sinh cảnh Năng và Cỏ Bàng lần lượt ghi nhận được 36 loài và 35 loài, các loài sinh sống chủ yếu tại các sinh cảnh này chủ yếu thuộc họ Trâu (Meropidae), họ Sếu (Gruidae), họ Ưng (Accipitridae) và họ Diệc (Ardeidae). So với nghiên cứu trước đây của Nguyễn Thanh Giao (2021) [16], sinh cảnh Tràm có số loài nhiều nhất, kế tiếp là sinh cảnh Bãi bùn, ven kênh và Cỏ Bàng vẫn là sinh cảnh có ít loài được ghi nhận nhất. Sinh cảnh Cỏ Bàng có số loài phân bố ít nhất được giải thích là do khu vực chịu tác động của hoạt động khai thác cỏ bàng. Đối với sinh cảnh Năng có loài Năng ngọt (*Eleocharis dulcis*) chiếm ưu thế gần như tuyệt đối, thành phần loài ghi nhận kém đa dạng hơn sinh cảnh Bãi bùn, ven kênh và sinh cảnh Tràm. Sinh cảnh Bãi bùn, ven

kênh có địa hình tương đối cao hơn so với các khu vực còn lại, có thực vật phong phú nên khu vực này thành phần loài được xác định là đa dạng nhất. Từ đó có thể thấy điều kiện môi trường sống như nguồn thức ăn, nơi trú ẩn, các hoạt động khai thác đã ảnh hưởng đến sự phân bố của các loài chim tại khu vực nghiên cứu.

3.3. Các loài có giá trị bảo tồn

Trong tổng số 58 loài, 5 loài chim quý hiếm được bảo vệ (chiếm 8,62%) đã được xác định, bao gồm Sếu đầu đỏ (*Grus antigone*), Diều trắng (*Elanus caeruleus*), Diều mướp (*Circus melanoleucos*), Chim cổ rắn (*Anhinga melanogaster*) và Sẻ đồng ngực vàng (*Emberiza aureola*) nằm trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), Danh lục IUCN (2021), Công ước CITES và Nghị định số 06/NĐ-CP. Đây là các loài chim quý hiếm, đã và đang bị đe dọa ở các mức độ khác nhau, có ý nghĩa bảo tồn đối với khu vực và trên thế giới. Kết quả này đã nâng tổng số các loài chim quý hiếm cần được bảo tồn tại khu vực nghiên cứu trong năm 2021-2022 là 8 loài [16] (Bảng 2). Tuy nhiên, năm 2022 không ghi nhận lại được 11 loài quý hiếm đã được xác định trong nghiên cứu trước đây của Dương Văn Ni (2018), ngoại trừ Sếu đầu đỏ (*Grus antigone*) [6]. Đáng chú ý, loài chim quý hiếm Cổ rắn (*Anhinga melanogaster*), họ Cổ rắn cũng chỉ có 2 loài trên thế giới và 1 loài ở Việt Nam [17].

Sếu đầu đỏ di cư về trong khoảng thời gian từ tháng 1 đến tháng 5 hằng năm. Tuy nhiên, số lượng Sếu đầu đỏ di cư về KBT Phú Mỹ đang có xu hướng giảm mạnh. Số lượng Sếu đầu đỏ di trú về đây trong năm 2022 chỉ còn 16 cá thể (số liệu thống kê từ nhân viên KBT) trong 2 đợt. Đợt 1 vào ngày 18/3 (12 cá thể) và đợt 2 vào ngày 25/3 (4 cá thể). Cá thể Sếu đầu đỏ chỉ bay ngang phạm vi KBT mà không tìm thức ăn hoặc sinh sống trong thời gian dài như trong quá khứ. Các tác động của biến đổi khí hậu và sự cải tạo của con người được cho là 2 nguyên nhân chính làm suy giảm số lượng Sếu đầu đỏ di trú về KBT. Mùa mưa diễn ra sớm và lượng mưa lớn làm mực nước dâng cao, lâu rút. Lượng nước lớn và lâu rút làm ảnh hưởng đến quá trình tạo củ của Năng [6]. Khảo sát năm 2022 ghi nhận hoạt động khai thác cỏ bàng và các hoạt động khai thác nguồn lợi thủy sản của người dân địa phương diễn ra phổ biến trong KBT. Ngoài ra hoạt động chăn thả gia súc, tuyến giao thông trong và xung quanh KBT cũng đe dọa đến sự an toàn của Sếu đầu đỏ khi di trú tại đây.

Bảng 2. Danh sách các loài chim quý hiếm tại KBT Phú Mỹ năm 2021-2022

STT	Tên khoa học	Tên tiếng Việt	IUCN (2021)	SĐVN (2007)	CITES	NĐ06/2019
1	<i>Grus antigone</i>	Sếu đầu đỏ	VU	VU		IB
2	<i>Accipiter badius</i>	Ưng xám			II	IIB
3	<i>Elanus caeruleus</i>	Diều trắng			II	IIB
4	<i>Circus aeruginosus</i>	Diều đầu xám			II	IIB
5	<i>Circus melanoleucos</i>	Diều mướp			II	IIB
6	<i>Athene brama</i>	Cú trán trắng			II	IIB
7	<i>Anhinga melanogaster</i>	Cổ rắn	NT	EN	II	IIB
8	<i>Emberiza aureola</i>	Sẻ đồng ngực vàng	CR			

Ghi chú: IUCN (2021): NT - sắp bị đe dọa; VU – sẽ nguy cấp; CR – cực kì nguy cấp; SĐVN (2007): VU – sẽ nguy cấp; EN - nguy cấp; CITES: II – Phụ lục II (những loài mặc dù hiện chưa bị đe dọa tuyệt chủng nhưng có thể dẫn đến tuyệt chủng nếu không được kiểm soát việc buôn bán); NĐ 06/2019/NĐ-CP: IB – Nhóm IB, nhóm động vật rừng đang bị đe dọa tuyệt chủng; IIB - Nhóm IIB, nhóm động vật rừng chưa bị đe dọa tuyệt chủng nhưng có nguy cơ bị đe dọa nếu không được quản lý chặt chẽ.

Tại các KBT, vườn quốc gia, vùng đất ngập nước khác tại Việt Nam cũng đã ghi nhận được nhiều loài chim có giá trị bảo tồn và quý hiếm. Vườn Quốc gia Tràm Chim, xuất hiện 35 loài quý hiếm (chiếm 17,24% số loài của Vườn) như Sếu đầu đỏ (*Grus antigone*), Ô tác (*Houbaropsis bengalensis*), Già đầy lớn (*Leptoptilos dubius*), Già đầy java (*Leptoptilos javanicus*), Quắm đầu đen (*Threskiornis melanocephalus*), Cổ rắn (*Anhinga melanogaster*),... [22]. Theo Ngô Xuân Nam và cs (2015), trong tổng số 186 loài chim ghi nhận tại KBT Thiên nhiên Pù Ha, có tới 161 loài (chiếm 86,56%) có tên trong Danh lục IUCN, Sách Đỏ Việt Nam và Nghị định số 32/2006/NĐ-CP với một số loài như Cay Nhật Bản (*Coturnix japonica*), Hồng hoàng (*Buceros bicornis*), Gõ kiến xanh cổ đỏ (*Picus rabieri*), Gà tiền mặt vàng (*Polyplectron bicalcaratum*),... [21]. Tại vùng đất ngập nước Đồng Rui, cũng ghi nhận được 8 loài có giá trị bảo tồn với 4 loài có tên trong Danh lục đỏ IUCN (2021); 3 loài có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2007); 5 loài trong Nghị định số 06/2019/NĐ-CP [26]. Ngoài ra, tại Vườn Quốc gia Bạch Mã cũng ghi nhận 17 loài chim có nguy cơ bị tuyệt chủng [27]. So với các nghiên cứu trên, số loài chim quý hiếm cần được bảo tồn tại khu vực nghiên cứu tương đối thấp.

3.4. Các tác nhân đe dọa đến môi trường sống của các loài chim tại KBT Phú Mỹ

Qua khảo sát thực tế ghi nhận được, môi trường sinh thái trong KBT bị xáo trộn rất nghiêm trọng bởi nhiều nhân tố, bao gồm khai thác tài nguyên, đánh

bắt chim, chăn thả gia súc. Hoạt động khai thác cỏ bàng vẫn diễn ra trong suốt thời gian di cư của Sếu đầu đỏ và các hoạt động xâm lấn, khai thác khác vẫn tiếp tục hiện diện. Các hoạt động khác gồm chăn thả gia súc, khai thác, đánh bắt vẫn diễn ra công khai và ghi nhận phổ biến. Trong cả 2 đợt khảo sát vào tháng 4 và tháng 5 đều ghi nhận tình trạng săn bắt như tình trạng săn bắt chim trời bằng lưới mờ, tình trạng bẫy bắt các loài chim nước như Vịt trời, Cúm núm. Theo nghiên cứu của Nguyễn Thanh Giao (2021) [16], canh tác nông nghiệp xung quanh cũng góp phần là nguyên nhân ảnh hưởng đa dạng sinh cảnh, diện tích và gây xáo trộn môi trường sống của các loài chim. Bên cạnh đó, diện tích rừng tràm giảm đáng kể giai đoạn 2016-2020, làm cho các loài chim di cư đặc biệt là loài Sếu đầu đỏ.

3.5. Đề xuất giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học khu hệ chim tại KBT Phú Mỹ

Cần quy hoạch và quản lý khu vực khai thác cỏ bàng nhằm hạn chế các tác động đến đa dạng sinh học, đặc biệt là khu vực Sếu tìm kiếm thức ăn. Cụ thể, giới hạn thời gian khai thác cỏ bàng trong năm và phạm vi khai thác cỏ bàng nhằm giữ môi trường sinh sống an toàn cho quần thể Sếu đầu đỏ trong thời gian di cư từ tháng 1 đến hết tháng 5 hàng năm. Thường xuyên tuần tra, giám sát các hoạt động săn bắt chim trong khu vực nhằm loại bỏ các nguy cơ trực tiếp gây suy giảm đa dạng các loài chim như tháo gỡ các bẫy lưới mờ đang tồn tại trong phạm vi KBT. Đồng thời, tăng cường các biện pháp tuyên truyền nâng cao ý thức bảo tồn đa dạng sinh học nói

chung của người dân địa phương thông qua các p-nô, băng-rôn trong phạm vi KBT và tại các điểm công cộng như chợ, trạm xá, Ủy ban xã. Tăng cường công tác tuyên truyền các chính sách, pháp luật đất đai, luật đa dạng sinh học, đặc biệt là xử lý nghiêm đối với các trường hợp có hành vi lấn chiếm đất, săn bắt và khai thác tài nguyên trái phép trong KBT. Đánh giá lại tác động của tuyến giao thông HT6 và hoạt động khai thác cỏ bàng, chăn thả gia súc đến sự suy giảm các quần thể chim trong KBT. Cần có các nghiên cứu kiểm kê, đánh giá khu hệ chim hàng năm tại KBT để kịp thời đưa ra các hành động bảo tồn cần thiết.

4. KẾT LUẬN

Kết quả ghi nhận được 58 loài chim thuộc 34 họ của 11 bộ đang sinh sống trong KBT Phú Mỹ. Trong đó, có 5 loài quý hiếm, được xếp ở mức nguy cấp cao trong các danh mục loài ưu tiên bảo vệ, có giá trị bảo tồn. Bổ sung 8 loài mới xuất hiện và 1 loài chim quý hiếm cho KBT, nâng tổng số loài chim được ghi nhận trong 2 năm 2021 và 2022 lên 77 loài với 8 loài quý hiếm. Trong tổng số 11 bộ chim, bộ Sẻ (Passeriformes) có số loài chiếm ưu thế với 22 loài (chiếm 37,93%). Xét về bậc họ, họ Diệc (Ardeidae) có số loài nhiều nhất, đại diện với 8 loài chiếm 13,79%. Kết quả nghiên cứu còn cho thấy, các loài chim phân bố tương đối đồng đều giữa 4 sinh cảnh khảo sát, dao động từ 35 - 45 loài. Bên cạnh đó, nghiên cứu ghi nhận được số lượng Sếu đầu đỏ di cư về KBT có xu hướng ngày càng giảm, năm 2022 chỉ ghi nhận được 16 cá thể và các nhân tố gây suy giảm đa dạng sinh học khu hệ chim tại KBT chủ yếu đến từ các hoạt động săn bắt, chăn thả gia súc và khai thác tài nguyên của người dân. Do đó, chính quyền địa phương, Ban quản lý KBT cần có các biện pháp cần thiết để hạn chế các tác nhân gây suy giảm đa dạng sinh học và cần có các nghiên cứu kiểm kê, đánh giá khu hệ chim hàng năm để kịp thời đưa ra các hành động bảo tồn cần thiết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hà (2017). Bảo tồn các vùng chim quan trọng ở Việt Nam. (<http://tapchimoitruong.vn/moi-truong-va-cong-dong-84/B%E1%BA%A3o-t%E1%BB%93n-c%C3%A1c-v%C3%B9ng-chim-quan-tr%E1%BB%8Dng>

%E1%BB%9F-Vi%E1%BB%87t-Nam-20775). Truy cập ngày 6/9/2022

2. Hasmat, N., Shen, L. W., Mojiol, A. R. (2020). Preliminary study of bird species composition in Kawang Forest Reserve (KFR), Papar, Sabah. *Transactions on Science and Technology*, 7(3), 108-112.

3. Li, X., Zhang, X., Xu, X., Lv, S., Zhao, Y., Chen, D., Hou, C., Chen, B., Yang, G. (2016). Bird diversity in the Buffer Zone of the Largest Coastal Nature Reserve of China and Conservation Implications. *Pakistan J. Zool.*, 48(4), 1193-1199.

4. Kiros, S., Afework, B., Legese, K. (2018). A preliminary study on bird diversity and abundance from Wabe fragmented forests around Gubre subcity and Wolkite town, Southwestern Ethiopia. *International Journal of Avian & Wildlife Biology*, 3(5), 333-340.

5. Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang (2016). *Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 01/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc thành lập Ban Quản lý Khu Bảo tồn Loài - Sinh cảnh Phú Mỹ*.

6. Dương Văn Ni (2018). Báo cáo dự án Phân khu chức năng chi tiết Khu Bảo tồn Loài – Sinh cảnh Phú Mỹ. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang.

7. Hà Trí Cao, Trần Thị Việt Anh (2011). Một số ghi nhận về Sếu đầu đỏ (*Grus antigone*) ở Kiên Giang năm 2011. *Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 4*.

8. IUCN (2022). Đề xuất một số giải pháp bảo tồn tại Khu Bảo tồn Loài và Sinh cảnh Phú Mỹ. (<https://www.iucn.org/vi/news/viet-nam/202204/de-xuat-mot-so-giai-phap-bao-ton-tai-khu-bao-ton-loai-va-sinh-can-phu-my>). Truy cập ngày 8/9/2022.

9. Nguyễn Thanh Giao (2020). Xác định vị trí quan trắc môi trường đất, nước tại Khu Bảo tồn Loài – Sinh cảnh Phú Mỹ, huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang. *Tạp chí Nông nghiệp và PTNT*, 133.

10. Dương Văn Ni (2013). Báo cáo dự án “Thành lập Khu Bảo tồn Loài – Sinh cảnh Phú Mỹ, Giang Thành, Kiên Giang”. Trung tâm Nghiên cứu, Thực nghiệm, Đa dạng sinh học Hòa An.
11. Lê Mạnh Hùng (2020). *Các loài chim Việt Nam-Birds of Vietnam*. Nhã Nam & Nxb Thế giới, Hà Nội, Việt Nam.
12. Bộ Khoa học và Công nghệ (2007). *Danh lục Đỏ Việt Nam*. Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
13. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2017). *Thông tư số 04/2017/TT-BNNPTNT ngày 24/02/2017 về Danh mục các loài động vật thực vật hoang dã quy định trong các phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật thực vật hoang dã nguy cấp*.
14. Chính phủ (2019). *Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/1/2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp*.
15. IUCN (2021). The IUCN Red List of Threatened Species.
16. Nguyễn Thanh Giao (2021). Báo cáo tổng kết quan trắc môi trường, kiểm kê đa dạng sinh học và đề xuất các biện pháp bảo tồn tại Khu Bảo tồn Loài – Sinh cảnh Phú Mỹ năm 2021.
17. Nguyễn Lâm Hùng Sơn, Quan Thị Dung, Đặng Thị Thu Hoài (2009). Một số dẫn liệu về thành phần loài chim ở Vườn chim Hải Lưu, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ*, 25, 188-195.
18. Phạm Hồng Phương (2019). Kết quả nghiên cứu thành phần loài chim tại Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Hoạt, tỉnh Nghệ An năm 2018. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ nhiệt đới*, 18, 13-23.
19. Đồng Thanh Hải, Vũ Tiến Thịnh (2013). Khu hệ chim Khu Bảo tồn Thiên nhiên Nam Nung, Đắc Nông. *Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 5*, 474-480.
20. Phùng Bá Thịnh, Nguyễn Hào Quang, Hoàng Minh Đức (2013). Khu hệ chim Khu Bảo tồn Thiên nhiên Bình Châu – Phước Bửu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. *Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 5*, 718-72.
21. Ngô Xuân Nam, Nguyễn Quốc Huy, Nguyễn Nguyên Hằng, Nguyễn Thị Hải, Nguyễn Văn Vịnh, Nguyễn Anh Đức, Hoàng Trung Thành, Nguyễn Huy Hoàng (2015). Hiện trạng đa dạng sinh học Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Hu, tỉnh Thanh Hoá. *Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 6*, 700-707.
22. Đỗ Thị Như Uyên, Hoàng Thị Nghiệp (2013). Dẫn liệu bước đầu về thống kê, đánh giá đa dạng sinh học ở Vườn Quốc gia Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. *Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 5*, 885-889.
23. Lê Đình Thuỷ, Nguyễn Lâm Hùng Sơn (2008). Một số dẫn liệu về thành phần loài chim ở Khu Bảo tồn Thiên nhiên Hang Kia – Pà Cò, huyện Mai Châu, tỉnh Hoà Bình. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ*, 24, 324-329.
24. Nguyễn Lâm Hùng Sơn, Trương Quốc Đại, Bùi Văn Tuấn (2015). Đa dạng thành phần loài chim ở Khu Bảo tồn Thiên nhiên Bán đảo Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. *Tạp chí Nông nghiệp và PTNT*, 2, 107-115.
25. Utami, S., Anggoro, S., Soeprbowati, T. R. (2017). Bird species biodiversity in Coastal area of Panjang Island, Jepara, Central Java. *Advanced Science Letters*, 23(3), 2498-2500.
26. Hoàng Trung Thành, Nguyễn Thị Lan Anh, Nguyễn Huy Hoàng, Lê Khắc Quyền (2022). Ghi nhận ban đầu về thành phần loài chim ở vùng đất ngập nước Đồng Rui, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên*, 227(01), 75-82.
27. Đỗ Trung Đông, Nguyễn Hoàng Khánh Linh, Nguyễn Quang Tân, Lê Nguyễn Thới Trung,

Phạm Gia Tùng (2021). Đánh giá hiện trạng và tiềm năng cho phát triển du lịch ngắm chim tại Vườn Quốc gia Bạch Mã. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, 130(3), 161-181.

SPECIES COMPOSITION, DISTRIBUTION AND CONSERVATION OF BIRD FAUNA IN PHU MY SPECIES-HABITAT CONSERVATION AREA, GIANG THANH DISTRICT, KIEN GIANG PROVINCE

Lam Quang Ngon, Nguyen Thanh Giao

Summary

The study was carried out to investigate, evaluate species composition, distribution and conservation of bird fauna at Phu My Species-Habitat Conservation in Giang Thanh district, Kien Giang province. The field survey period is from April to May 2022 at 4 typical habitats including Eleocharis, Lipironia, Melaleuca and Mud flat, along the canals. A total of 58 bird species belonging to 34 families and 11 orders have identified in the conservation area, of which 2 species listed in the Vietnam Red Data Book (2007), 3 species listed in the IUCN Red List (2021) and CITES, and 4 species named in decree 06/2019/NĐ-CP at different levels of danger. The result added 8 new bird species records and 1 rare bird species for the conservation area compared with previous study. The Passeriformes was identified as the order with the largest number of species, representing 22 species (accounting for 37.93%). In terms of family rank, the Ardeidae had a dominant number of species (8 species, accounting for 13.79%). In 4 habitats including habitats of Melaleuca, Mud flat – along the canals, Eleocharis, Lipironia, bird species were relatively evenly distributed with 45 species, 44 species, 36 species and 35 species, respectively. The number of *Grus antigone* migrating to the conservation tends to decrease (only 16 individuals in 2022). Factors causing biodiversity loss in the conservation include hunting, livestock grazing and resource exploitation by people. Therefore, the local government, the management board of the conservation should take practical measures to limit the factors causing the degradation. The annual inventory and assessment studies of the avifauna in the conservation are really necessary.

Keywords: *The Passeriformes, the Ardeidae, the avifauna, Phu My Species-Habitat Conservation, Grus antigone.*

Người phản biện: PGS.TS. Đồng Thanh Hải

Ngày nhận bài: 5/9/2022

Ngày thông qua phản biện: 20/9/2022

Ngày duyệt đăng: 21/10/2022